

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 616/2024/DS-PT

Ngày 03 - 12 - 2024

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chia tài sản chung quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chia tài sản chung quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 568/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn Bé B, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông Võ Tín T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Tín T: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Văn L1, sinh năm 1973.

3.2. Bà Nguyễn Minh P, sinh năm 1975.

3.3. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1999.

3.4. Anh Hồ Minh H1, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Số E, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Bà Nguyễn Cẩm T1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cẩm T1: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số I, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Bà Võ Thị Bé H2, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số C, ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

3.7. Bà Võ Thị Kiều H3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số D, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Bà Võ Thị Kiều T2, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Ông Võ Văn T3, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số B, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ trụ sở: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Lam Minh N, chức vụ: Chủ tịch.

4. Người kháng cáo: Ông Võ Văn Bé B, là nguyên đơn trong vụ án.

(Ông B, anh L, ông L1 có mặt; Bà P, chị H, anh H1, UBND huyện L có đơn xin vắng mặt; Bà H2, bà H3, bà T2, ông T3 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Võ Văn Bé B do anh Nguyễn Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền tại Tòa án cấp sơ thẩm trình bày:

Vào năm 1998 ông B có đứng tên thửa đất số 399, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.731m². Nguồn gốc đất của cụ Võ Văn K và cụ Võ Thị S là cha mẹ ông B. Vào năm 1998 ông B đại diện hộ gia đình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông B đại diện hộ đứng

tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng trực tiếp sử dụng trồng lúa, đến năm 2012 do ông B là tu sĩ không thường xuyên ở nhà không trực tiếp sử dụng đất được, nên ông B cho ông Võ Tín T mượn để sử dụng. Ông B và ông T thỏa thuận là ông B nhập hộ khẩu vào hộ khẩu của ông T để tiện cho việc tặng cho đất, khi nhập hộ khẩu về hộ ông T, ông B làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T đứng tên tạm thời. Khi làm thủ tục tặng cho phần đất đo đạc thực tế cấp quyền sử dụng đất diện tích 1.387m², thửa đất số 399, tờ bản đồ số 01 (bản đồ chính quy thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65) hiện tại ông T đứng tên quyền sử dụng đất, việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói, không làm giấy tờ thể hiện trong hồ sơ tặng cho, nhưng có Võ Văn T4, Võ Văn S1, Võ Văn T3 và Võ Thị Kiều H3 biết. Đến năm 2019 ông B phát hiện ông T chuyển nhượng phần đất trên cho bà Nguyễn Minh P, nên yêu cầu ông T trả lại đất, ông T không đồng ý mà cho rằng nhận chuyển nhượng của ông B giá 70.000.000 đồng, thực tế ông B không có chuyển nhượng đất cho ông T.

Nay ông B yêu cầu ông T trả lại diện tích 1.387m², thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, loại đất trồng lúa, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn ông Võ Tín T do anh Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Hiện ông T đang đứng tên quyền sử dụng đất diện tích theo như đo đạc thực tế 1.387m², thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, loại đất trồng lúa, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65. Nguồn gốc đất của cha mẹ ông T tặng cho ông Võ Văn Bé B vào năm 1998, sau khi được tặng cho ông B đã đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 399, tờ bản đồ số 01 theo bản đồ 299, diện tích được cấp trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2.731m², ông B sử dụng đất đến năm 2012 thì chuyển nhượng cho ông T với giá 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi làm thủ tục sang tên thì thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất mà không làm thủ tục chuyển nhượng để không phải nộp thuế, khi nhận chuyển nhượng được cấp đổi theo bản đồ chính quy thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1.387m². Đến năm 2020 ông T đã chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Minh P với giá 140.000.000 đồng, ông T đã nhận tiền đủ và giao đất cho bà P sử dụng, chưa làm thủ tục sang tên do ông B tranh chấp. Ông T không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của ông B và đồng ý tiếp tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn L1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Minh P, chị Hồ Thị H và anh Hồ Minh H1 tại Tòa án cấp sơ thẩm trình bày:

Vào ngày 03/6/2020 bà P nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Võ Tín T và bà Nguyễn Cẩm T1 diện tích 1.387m², loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, với giá 140.000.000 đồng, có lập tờ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực, bà P đã trả đủ tiền và ông T, bà T1 đã giao đất cho bà P sử dụng từ tháng 6 năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng bị ông B tranh chấp chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà P.

Bà P yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P với ông T, bà T1 diện tích 1.387m², loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bé H2, bà Võ Thị Kiều H3 cùng trình bày:

Phần đất hiện ông Võ Văn Bé B đang tranh chấp với ông Võ Tín T thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65. Nguồn gốc đất của ông bà để lại. Vào năm 1998 các thành viên trong hộ gia đình trong đó có bà H2, bà H3 thống nhất giao cho ông B đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2012 ông B tự ý làm thủ tục tặng cho ông T mà không hỏi ý kiến thành viên bà H2, bà H3. Sau đó ông T chuyển nhượng lại cho bà P.

Bà H3 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà T1 với bà P, giao quyền sử dụng đất lại cho hộ gia đình đứng tên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Cẩm T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tín T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kiều T2, ông Võ Văn T3 vắng mặt: Không có văn bản trình bày ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản ý kiến trình bày: Xin vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử:

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Bé B đối với ông Võ Tín T.

Về việc yêu cầu ông Võ Tín T trả lại cho ông Võ Văn Bé B diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H3 đối với ông Võ Tín T.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh P đối với ông Võ Tín T, bà Nguyễn Cẩm T1.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập thông qua tờ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2020 giữa bà Nguyễn Minh P với ông Võ Tín T, bà Nguyễn Cẩm T1 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Minh P được tiếp tục quản lý sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Minh P được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, loại đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 667273, sổ vào sổ CH06719, cấp ngày 14/11/2012 do ông Võ Tín T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho bà Nguyễn Minh P (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà Nguyễn Minh P đang quản lý).

(Có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2021 và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 66/SĐ.ĐD/CNVP.ĐKĐĐ huyện Lấp Vò ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Bé B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị Kiều H3 nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H3 đã nộp theo

biên lai 0003659, ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, bà H3 không phải nộp thêm.

- Ông Võ Tín T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Minh P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0016374, ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn B1 Ba phải chịu 3.911.570 đồng, số tiền này ông Võ Văn Bé B đã tạm ứng và đã chi xong. Ông Võ Văn B1 Ba không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2024 ông Võ Văn Bé B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Võ Văn Bé B trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông B cho rằng nguồn gốc đất của cha mẹ là cụ Võ Văn K và cụ Võ Thị S tặng cho vào năm 1998, ông sử dụng từ khi được cha mẹ tặng cho đến ngày 01/6/1998 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2012 ông lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T, khi được tặng cho ông T sử dụng đến khi chuyển nhượng cho bà P, ông không có nhận 70.000.000 đồng của ông T, ông làm thủ tục tặng cho ông T đứng tên tạm thời, việc đứng tên tạm thời chỉ bằng lời nói, không có giấy tờ vì tin tưởng nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Anh Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Tín T, bà Nguyễn Cẩm T1 trình bày: Không thống nhất kháng cáo của ông B, thống nhất theo bản án sơ thẩm.

Hồ Văn L1 trình bày: Không thống nhất kháng cáo của ông B, thống nhất theo bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng

trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn Bé B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Võ Văn Bé B nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai chỉ có ông B, anh L, ông L1 có mặt; Bà P, chị H, anh H1, UBND huyện L có đơn xin vắng mặt; Bà H2, bà H3, bà T2, ông T3 vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Võ Văn Bé B yêu cầu giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông B yêu cầu ông T trả lại diện tích 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Phân đất tranh chấp được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T vào ngày 14/11/2012.

Ngày 03/6/2020 ông T, bà T1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P, được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực đúng theo quy định của pháp luật. Ông T, bà T1 đã nhận đủ tiền và giao đất cho bà P quản lý sử dụng, do ông B tranh chấp nên chưa làm thủ tục sang tên cho bà P.

Ông B cho rằng nguồn gốc đất của cha mẹ là cụ K và cụ S tặng cho ông vào năm 1998. Sau khi được tặng cho ông B trực tiếp sử dụng trồng lúa, đến ngày 01/6/1998 ông được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 2.731m², thửa đất số 399, tờ bản đồ số 01, mục đích sử dụng: Lúa. Vào năm 2012 do không thường xuyên ở nhà, ông B là tu sĩ, không

trực tiếp sử dụng đất nên cho ông T mượn để sử dụng, nhưng thỏa thuận làm thủ tục tặng cho ông T đứng tên tạm thời để tiện cho việc quản lý sử dụng, đến năm 2019 phát hiện ông T chuyển nhượng cho bà P. Lời trình bày của ông Ba K1 được ông T thừa nhận và ông Ba K1 cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận cho ông T mượn đứng tên tạm thời.

Trong khi vào ngày 05/10/2012 ông B lập hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T thửa đất số 399, tờ bản đồ số 01, diện tích 2.731m². Hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực đúng quy định của pháp luật. Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 24/10/2012 thể hiện là thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, diện tích 1.387m². Đến ngày 14/11/2012 ông T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, diện tích 1.387m², hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất không thể hiện ông T đứng tên tạm thời, việc ông Ba T5 cho là tự nguyện, tại phiên tòa phúc thẩm ông B thừa nhận việc ông T đứng tên tạm thời chỉ bằng lời nói, không có làm văn bản. Do đó, ông B yêu cầu ông T trả lại đất là không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Ba K1 cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông B là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò. Tuy nhiên, cần điều chỉnh cách tuyên án cho phù hợp.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Ba K1 được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Bé B.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 55/2024/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn Bé B đối với ông Võ Tín T về việc yêu cầu ông Võ Tín T trả lại cho ông Võ Văn Bé B diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kiều H3 đối với ông Võ Tín T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà T1 với bà P, giao quyền sử dụng đất lại cho hộ gia đình đứng tên.

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Minh P đối với ông Võ Tín T, bà Nguyễn Cẩm T1.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập thông qua tờ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/6/2020 giữa bà Nguyễn Minh P với ông Võ Tín T, bà Nguyễn Cẩm T1 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Minh P được tiếp tục quản lý sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.387m², được thể hiện ở các mốc M1, M2, M3, M4 về M1, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa, thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, đất tọa lạc tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BM 667273, số vào sổ cấp GCN: CH06719, cấp ngày 14/11/2012 do ông Võ Tín T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho bà Nguyễn Minh P (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do bà Nguyễn Minh P đang quản lý).

(Có biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/5/2021 và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp số 66/SĐ.ĐĐ/CNVP.ĐKĐĐ huyện Lấp Vò ngày 19/5/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Văn Bé B được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Võ Thị Kiều H3 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H3 đã nộp theo biên lai 0003659, ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.
- Ông Võ Tín T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Minh P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0016374, ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

2.5. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Văn B1 Ba phải chịu 3.911.570 đồng, số tiền này ông Võ Văn Bé B đã tạm ứng và đã chi xong.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn Bé B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng

